

Số: 2303 /KH-UBND

Tây Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2025; Công văn số 4487/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025;

UBND tỉnh Tây Ninh đánh giá ước thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025, cụ thể như sau:

PHẦN I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024

Năm 2024 được tỉnh xác định là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Mặc dù, kinh tế đã dần lấy lại đà tăng trưởng, nhất là ngành công nghiệp nhưng vẫn còn nhiều thách thức bởi các yếu tố bất lợi từ tình hình chung của cả nước. Quy mô kinh tế của tỉnh nhỏ, doanh nghiệp trong tỉnh phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, năng lực về tài chính và quản trị còn yếu, dễ bị tác động bởi các yếu tố rủi ro, doanh nghiệp còn khó khăn trong tiếp cận vốn, các chi phí đầu vào vẫn còn cao.

UBND tỉnh đã yêu cầu các cấp, các ngành quyết tâm khắc phục khó khăn, chủ động đổi mới, sáng tạo, linh hoạt giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm trong năm kế hoạch đề ra. Việc chủ động xây dựng các chương trình kế hoạch, đề án được các ngành, các cấp quan tâm, tổ chức thực hiện. Các giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực được tỉnh tập trung. Nhiều chính sách, giải pháp được triển khai kịp thời đã phát huy hiệu quả. Công tác an sinh xã hội được thực hiện tốt, quốc phòng an ninh được giữ vững.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024

1. Ước thực hiện các chỉ tiêu phát triển KTXH chủ yếu

Thực hiện 21 chỉ tiêu về phát triển KTXH theo Nghị quyết HĐND tỉnh giao, có 17 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, 04 chỉ tiêu chưa đạt Kế hoạch, cụ thể:

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2024	ƯTH 2024	Số KH	
					Đạt	Không đạt
I	Chỉ tiêu kinh tế				6	4
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP - theo giá so sánh 2010) tăng so với năm trước	%	7% trở lên	7.0	X	
2	GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành	USD	4,250	4,208		X
3	Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha đất trồng trọt	Triệu đồng	112	112	X	
4	Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP (giá hiện hành - chưa tính thuế sản phẩm)					X
	- Nông - lâm - thủy sản	%	18-19	19.5		
	- Công nghiệp - xây dựng	%	45-46	45.6		
	- Dịch vụ	%	31-32	30.4		
5	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	36	37.1	X	
6	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (*)	Tỷ đồng	11,100	11,480	X	
7	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn so với GRDP	%	37	35.8		X
8	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng	%	15	13.8		X
9	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng so với cùng kỳ	%	10	10.7	X	
10	Kim ngạch xuất khẩu tăng	%	8	8.0	X	
II	Chỉ tiêu văn hóa - xã hội				8	
11	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) giảm	%	0,03 - 0,046	0,03 - 0,046	X	
12	Tỷ lệ thất nghiệp				X	
	- Khu vực thành thị	%	dưới 1,2	0.87		
	- Khu vực nông thôn	%	dưới 1,8	1.57		
13	Số lao động có việc làm tăng thêm	Người	16,000	16,000	X	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2024	ƯTH 2024	So KH	
					Đạt	Không đạt
14	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề	%	74	74	X	
15	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân				X	
	- Số bác sĩ	bác sĩ	9	9.0		
	- Số giường bệnh viện	giường	29	29		
16	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (<i>thể thấp còi</i>)	%	dưới 19%	18.2	X	
17	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	93.5	93.5	X	
18	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	95.8	95.8	X	
	- Trong đó: Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	25	25		
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	4	4		
III	Chỉ tiêu môi trường				3	
19	Duy trì tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	100	100	X	
	- Trong đó số hộ (đô thị) sử dụng nước sạch tăng 2% so với năm 2023	%	2.0	6.08		
20	Duy trì tỷ lệ che phủ rừng (<i>đã loại trừ cây cao su</i>)	%	16.3	16.3	X	
21	Duy trì tỷ lệ chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100	100	X	

Về chỉ tiêu kinh tế:

Có 06/10 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; 04/10 chỉ tiêu không đạt kế hoạch:

– Các chỉ tiêu đạt và vượt: Tổng sản phẩm trong tỉnh (*GRDP - theo giá so sánh 2010*); Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha đất trồng trọt; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP; Thu ngân sách nhà nước; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ.

– Các chỉ tiêu không đạt: GRDP bình quân đầu người; Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP; Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn; Chỉ số sản xuất công nghiệp.

Về chỉ tiêu văn hóa – xã hội:

Có 8/8 chỉ tiêu vượt kế hoạch, cụ thể: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm; Tỷ lệ thất nghiệp; Số lao động có việc làm tăng thêm; Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề; Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân và giường bệnh/vạn dân; Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (*thể thấp còi*); Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Về chỉ tiêu môi trường:

Có 3/3 chỉ tiêu đạt kế hoạch, cụ thể: Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó số hộ sử dụng nước sạch so với năm 2023; Tỷ lệ che phủ rừng (*đã loại trừ cây cao su*); Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh

2.1. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết, Kết luận của Chính phủ và Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025. Tổ chức thực hiện đầy đủ, cụ thể, có kết quả các chương trình, đề án tại Chương trình hành động số 68-CTr/TU của Tỉnh ủy

Quyết liệt thực hiện các giải pháp đột phá chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, giai đoạn 2021-2026 về thể chế và phát triển nguồn nhân lực; du lịch; nông nghiệp; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị (khóa XII) về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội nghị điều phối vùng Đông Nam bộ lần thứ 3 và công bố Quy hoạch Vùng Đông Nam bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất một số cơ chế chính sách đặc thù về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ.

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung hợp tác đã ký kết với Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp Hội Doanh Nghiệp Châu Âu Tại Việt Nam (Eurocham), Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hùng Nhon Việt Nam; Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam,... Làm việc với Liên danh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC) – Công ty Liên danh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP) – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) nghiên cứu, đề xuất các dự án thuộc các lĩnh vực khu đô thị, logistics, giao thông,... phù hợp với quy hoạch và định hướng mời gọi, thu hút đầu tư của tỉnh.

2.2. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị

Tổ chức thành công Hội nghị công bố Quy hoạch tỉnh và triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050¹. Rà soát các quy hoạch, kế hoạch chuyên ngành cần ban hành, điều chỉnh, bãi bỏ sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

Hoàn chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Đề án phân loại đô thị và đề nghị công nhận thành phố Tây Ninh là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Tây Ninh, Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 và Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045.

HĐND tỉnh đã phê duyệt các Nghị quyết về phát triển đô thị: Nghị quyết thông qua Đề án phân loại đô thị thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là đô thị loại III và Nghị quyết thông qua Đề án phân loại đô thị thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là đô thị loại III.

Thực hiện nghiêm công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng và phát triển đô thị đối với các hoạt động xây dựng không phép, sai phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp, tự ý làm đường giao thông, phân lô, bán nền không phù hợp với quy hoạch đô thị, nông thôn, hình thành khu dân cư tự phát.

2.3. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Ban hành Kế hoạch hành động về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024, Kế hoạch thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024, Chương trình xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch năm 2024, Danh mục dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024 và triển khai trang thông tin hỗ trợ doanh nghiệp và giám sát đầu tư tỉnh Tây Ninh². Đẩy mạnh triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp, các chương trình tín dụng hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Định kỳ hàng tháng Tổ công tác đặc biệt báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ và đã tập trung chỉ đạo tháo gỡ nhanh những khó khăn, vướng mắc, chủ động hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện các trình tự, thủ tục tiếp theo để triển khai dự án theo quy định. Chuẩn bị và tổ chức Hội nghị đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp năm 2024 nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi tối đa để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Tiếp nhận thông tin phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư tại trang <https://hotrodoanhnghiep.tayninh.gov.vn> và phân công đơn vị đầu mối tiếp nhận thông tin phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư và phân loại, điều phối đến cơ quan, người có thẩm quyền xem xét xử lý kịp thời, hạn chế bức xúc trong doanh nghiệp, nhà đầu tư.

¹ Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 26/6/2024;

² <https://hotrodoanhnghiep.tayninh.gov.vn>;

Tổng vốn thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài ước đạt 12.700 tỷ đồng và 850 triệu USD, trong đó: cấp mới 30 dự án trong nước với vốn đăng ký 9.500 tỷ đồng và 30 dự án nước ngoài với vốn đăng ký 300 triệu USD. Đến cuối năm 2024, trên địa bàn tỉnh có 1.116 dự án (390 dự án đầu tư nước ngoài và 726 dự án trong nước) với tổng vốn đăng ký 10,5 tỷ USD và 143.350 tỷ đồng.

Dự kiến cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 700 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký là 6.000 tỷ đồng, so với CK giảm 16,1% về số doanh nghiệp, tăng 3,4% về số vốn đăng ký; có 200 doanh nghiệp giải thể với số vốn 1.200 tỷ đồng.

Thành lập mới 10 hợp tác xã. Lũy kế trên địa bàn tỉnh có 190 hợp tác xã với 40.000 thành viên, tổng vốn điều lệ 242 tỷ đồng.

2.4. Tập trung huy động và phân bổ nguồn lực

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 43.940 tỷ đồng, tăng 7,8% so với CK, đạt 35,8% GRDP (*KH 2024: 37% GRDP*). Bao gồm: khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 10,1%, khu vực dân doanh tăng 9,6%, khu vực nhà nước giảm 4,3% so với CK.

Các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn, quảng bá, chăm sóc khách hàng, chính sách tín dụng, kiểm soát nợ xấu và triển khai nhiều sản phẩm huy động vốn, tiếp cận vốn phù hợp. Ước đến cuối năm 2024, tổng vốn huy động đạt 73.079 tỷ đồng, tăng 10% so với đầu năm; tổng dư nợ cho vay đạt 111.130 tỷ đồng, tăng 13% so với đầu năm 2024; tỷ lệ nợ xấu chiếm dưới 1% tổng dư nợ cho vay.

Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 đúng thời gian quy định. Các ngành phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành và khai thác các nguồn thu ngân sách địa phương. Ước tổng thu NSNN trên địa bàn 11.480 tỷ đồng, giảm 0,2% so CK; trong đó: thu nội địa 9.900 tỷ đồng, tăng 0,6% so với CK, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.580 tỷ đồng, giảm 4,9%. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương là 10.680 tỷ đồng, tăng 14,8% so CK.

Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công được giao. Tổng kế hoạch năm 2024 (*kể cả Chương trình MTQG*) do Thủ tướng Chính phủ giao là 4.174 tỷ đồng. Đến ngày 30/6/2024, ước giải ngân đạt 1.282 tỷ đồng, đạt 30,7% kế hoạch; đến 30/9/2024, ước giải ngân 3.090 tỷ đồng, đạt 74% kế hoạch; đến 31/01/2025 ước giải ngân 4.245 tỷ đồng đạt 102% kế hoạch.

2.5. Về cơ cấu lại ngành, lĩnh vực theo hướng phát triển bền vững

Tổng sản phẩm trong tỉnh (*GRDP – theo giá so sánh 2010*) ước thực hiện 64.195 tỷ đồng, tăng 7,0% so với cùng kỳ (CK) (*KH 2024: tăng 7% trở lên*). Tỷ trọng nông - lâm - thủy sản; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ (*chưa tính thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm*) trong GRDP theo giá hiện hành ước đạt 19,5% - 45,6% - 30,4% (*KH 2024: 18 - 19%; 45 - 46% và 31 - 32%*). GRDP bình quân đầu người ước đạt 4.208 USD (*KH 2024: 4.250 USD*).

- Về nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp ổn định, hầu hết các sản phẩm nông sản đáp ứng nhu cầu thị trường, thị trường tiêu thụ chủ yếu ở trong nước. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng 1.500 ha, bằng 93% so với CK. Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất ngày càng rộng rãi, đã góp phần làm tăng năng suất, chất lượng các nông sản trên địa bàn tỉnh. Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt ước đạt 112 triệu đồng, đạt kế hoạch đề ra và tăng 03 triệu đồng so với CK.

Tình hình chăn nuôi còn tương đối khó khăn, giá vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi tăng cao nhưng nhìn chung chăn nuôi vẫn được đầu tư phát triển đàn và sản lượng. Cơ cấu chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô trang trại tập trung, đảm bảo an toàn sinh học. Đến cuối năm 2024, trên địa bàn tỉnh có 462 trang trại chăn nuôi gia súc với 373.393 con và 117 trang trại chăn nuôi gia cầm với trên 8,6 triệu con.

Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xét công nhận Thị xã Trảng Bàng và Thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (NTM). Năm 2024, dự kiến tăng thêm 03 đạt chuẩn NTM, 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, hoàn thành 100% chỉ tiêu KH. Lũy kế có 68/71 xã đạt chuẩn NTM, 25 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 04 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 04 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ NTM. Dự kiến đến cuối năm 2024, trên địa bàn tỉnh có 112 sản phẩm OCOP được công nhận từ 3 sao trở lên.

- Về công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tập trung chủ yếu vào các khu công nghiệp. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 13,8%; trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,9%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 12,4%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,8%; ngành khai khoáng giảm 2,9%. Tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo trong GRDP đạt 37,1% (KH 2024: 36%). Hầu hết, các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng sản lượng, trong đó một số sản phẩm có mức tăng cao, cụ thể: vỏ, ruột xe các loại (+13,6); điện thương phẩm (+11,8%); clanke poolan (+9,1%); quần áo các loại (+7,4)...; riêng sản lượng xi măng giảm (-1%).

Ban hành Đề án phát triển Khu công nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050³, Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn đến năm 2030. Thực hiện thủ tục hồ sơ pháp lý để triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Thạnh - giai đoạn 1 với quy mô 495,17ha, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Tân Phú và cụm công nghiệp Tân Hội 2. Chấp thuận chủ trương đầu tư 02 dự án Trạm biến áp 500KV Tây Ninh 1 và đường dây đấu nối; Đường dây 220KV TBA 500KV Tây Ninh 1 - Phước Đông do Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) thực hiện.

- Về thương mại, dịch vụ, du lịch

³ Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 24/5/2024;

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 6.447 triệu USD, tăng 6,7% so với CK (KH 2024: tăng 8%); kim ngạch nhập khẩu ước đạt 5.941 triệu USD, tăng 16,5% so với CK. Rà soát, đánh giá thực trạng quy hoạch, đầu tư, hoạt động của các kho bãi xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch bình ổn thị trường và xúc tiến thương mại. Theo dõi sát tình hình thị trường, nguồn cung hàng hóa được bảo đảm, doanh nghiệp phân phối hàng hóa đưa ra nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá để kích cầu tiêu dùng; một số hàng hóa nhóm lương thực, thực phẩm tương đối ổn định; nhóm nhiên liệu, năng lượng, đường, thức ăn chăn nuôi biến động nhẹ do ảnh hưởng từ thị trường thế giới. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ ước đạt 119.810 tỷ đồng, tăng 10,7% so với CK (KH 2024: tăng 10% trở lên); trong đó tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 94.477 tỷ đồng, tăng 10,9% so CK.

Triển khai các nhiệm vụ phát triển du lịch năm 2024 với chuỗi sự kiện văn hóa - du lịch, lễ hội, các chương trình hợp tác liên kết phát triển du lịch ký kết với các tỉnh, thành vùng Đông Nam bộ; tổ chức các đoàn khảo sát điểm đến du lịch (*famtrip*) trên địa bàn tỉnh⁴. Khánh thành một số công trình mới thuộc Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, phát triển hệ sinh thái du lịch kết nối lan tỏa, thu hút đông đảo khách du lịch đến tham quan. Các khu di tích, điểm tham quan du lịch và các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh tích cực chỉnh trang cơ sở vật chất và dịch vụ, tăng cường các sản phẩm dịch vụ du lịch mới, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các chuỗi sự kiện văn hóa - du lịch, hội thảo, diễn đàn cấp khu vực nhằm quảng bá sản phẩm, hình ảnh Tây Ninh. Tổng doanh thu du lịch ước đạt 2.300 tỷ đồng, đạt KH đề ra, tăng 14,4% so CK; với hơn 5,5 triệu lượt khách tham quan tại các khu, điểm du lịch, đạt KH, tăng 7,7% so CK.

2.6. Về quản lý tài nguyên – môi trường; phòng chống thiên tai

Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2025. Triển khai thi hành Luật Đất đai. Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị tập huấn Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến đất đai trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

Thực hiện rà soát quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh được duyệt. Hoàn thành việc thực hiện các phương án sử dụng đất bàn giao về địa phương quản lý của Công ty Cổ phần Cao su 1/5 và Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh. Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh. Đưa vào vận hành, khai thác hệ thống quản lý CSDL đất đai trên địa bàn đối với huyện Dương Minh Châu và Bến Cầu.

⁴ Một số chương trình du lịch mới như Tây Ninh – 1 ngày trải nghiệm nông nghiệp hữu cơ, Tây Ninh – 1 ngày hành trình về nguồn, trải nghiệm vườn dâu tằm sạch...

Triển khai thực hiện Đề án quản lý, phát triển rừng sản xuất tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030. Năm 2024, trồng mới 707,8 ha rừng; chăm sóc 955,6 ha rừng phòng hộ, đặc dụng; bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên với khối lượng 66.491 ha rừng giao khoán đến các tổ chức, nhóm hộ, hộ gia đình bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Công tác kiểm tra phòng cháy, chữa cháy rừng và chống phá rừng được tăng cường thực hiện, các vụ cháy rừng được phát hiện và chữa cháy kịp thời, mức độ thiệt hại nhẹ.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản và cấp phép hoạt động khoáng sản đúng quy định. Phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; ban hành Quy định một số mức kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; triển khai kế hoạch quản lý chất lượng không khí; thực hiện giám sát nguồn thải sông, rạch theo kế hoạch bảo vệ môi trường sông, suối, kênh, rạch năm 2024, kịp thời xử lý khi có dấu hiệu ô nhiễm. Kiểm soát chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh và các điểm tiếp nhận nước mặt từ phía Campuchia chảy qua địa phận tỉnh.

Triển khai thực hiện Đề án Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS để tích hợp dự báo mực nước tại hồ chứa, dự báo lũ, ngập lụt có nguy cơ xảy ra trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên thông tin về thiên tai, bản tin dự báo thiên tai có nguy cơ xảy ra tại các xã, phường, thị trấn để giảm nhẹ ảnh hưởng do thiên tai gây ra.

2.7. Về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; khoa học công nghệ; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Ngành giáo dục và đào tạo đã tích cực triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch hành động về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá các kỳ thi, xét công nhận hoàn thành chương trình các cấp học kịp thời, đảm bảo hoàn thành theo đúng tiến trình thời gian năm học; tuyển sinh vào lớp 6 và tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2024-2025. Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024, tỷ lệ công nhận tốt nghiệp THPT đạt tỷ lệ 98,76%. Tổ chức khai giảng năm học 2024-2025. Rà soát, sắp xếp trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh theo hướng thực hiện phân hiệu đại học tại tỉnh.

Phê duyệt Đề án thành lập Trường Cao đẳng Y tế Tây Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Y tế⁵. Ban hành Đề án đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁶, Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 173-KH/TU ngày 04/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁷. Công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh các cấp được quan tâm, đa dạng hóa các hình thức tư vấn. Tăng cường thông tin tuyển dụng, sử dụng lao động của từng ngành, nghề,

⁵ Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 23/01/2024;

⁶ Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/01/2024;

⁷ Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 06/02/2024;

tương ứng với từng khu vực. Trong 6 tháng đầu năm 2024, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh được 4.080/8.950 người, ước thực hiện năm 2024, tuyển sinh được 12.245 người⁸; thực hiện công tác tư vấn – giới thiệu việc làm, số lao động có việc làm tăng thêm khoảng 16.000 lao động (*KH 2024: 16.000 lao động*), tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo và dạy nghề ước đạt 74% (*KH 2024: 74%*).

Tổ chức triển khai các đề tài, dự án gắn với định hướng phát triển của tỉnh. Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tổ chức Ngày hội “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tây Ninh” năm 2024 với nhiều chuỗi hoạt động, sự kiện. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của BCH Trung ương khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh. Các hoạt động y tế dự phòng, giám sát dịch bệnh kịp thời, chặt chẽ. Hoàn thành việc sửa chữa và nâng cấp Bệnh viện đa khoa Tây Ninh; thành lập đơn vị đột quy tại khoa nội tổng quát và đơn vị Tim mạch can thiệp tại khoa Hồi sức cấp cứu bệnh viện đa khoa Tây Ninh; thực hiện chuyển giao kỹ thuật theo Đề án 1816 từ các bệnh lớn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Tập trung tuyên truyền và thực hiện tốt chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 93,5% so với dân số toàn tỉnh (*KH 2024: 93,5%*).

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách an sinh xã hội, bảo trợ xã hội. Năm 2024, toàn tỉnh có 100% xã, phường đạt 6 tiêu chuẩn xã, phường làm tốt công tác thương binh liệt sĩ và người có công; phấn đấu đến cuối năm, đảm bảo 100% người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của cộng đồng dân cư trú. Ban hành Nghị quyết quy định một số đối tượng chính sách khác tại địa phương được vay vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh⁹. Xây dựng Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024¹⁰. Phê duyệt kết quả rà soát hộ không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh hưởng chính sách hỗ trợ năm 2024, có 567 hộ, giảm 48 hộ so với CK. Triển khai 06 dự án thành phần thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ tiếp tục được đổi mới về nội dung lẫn hình thức, đi vào chiều sâu, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của người dân, gắn với tạo dựng hình ảnh địa phương và xây dựng văn hóa, con người Tây Ninh, đồng thời

⁸ Trong đó: cao đẳng 400/255 người, trung cấp 2.300/2.280 người, sơ cấp 7.005/6.415 người, đào tạo nghề cho lao động nông thôn 2.540/2.540 người.

⁹ Nghị quyết số 74/2024/NQ-HĐND ngày 28/5/2024;

¹⁰ Kế hoạch số 759/KH-UBND ngày 15/3/2024;

giới thiệu và quảng bá hình ảnh tỉnh Tây Ninh đến với du khách trong nước và quốc tế. Chuẩn bị hồ sơ đề nghị đưa “Nghề làm nhang tỉnh Tây Ninh” vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hoạt động thể dục thể thao được quan tâm, phát triển, nâng cao sức khỏe của Nhân dân. Phần đầu đến cuối năm 2024, đăng cai tổ chức trên 35 giải và tham dự 65 giải thể thao cấp tỉnh, cụm, khu vực và quốc gia và đạt vượt chỉ tiêu về số lượng huy chương đề ra trong năm.

2.8. Về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số

Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024¹¹. Tổ chức 471 cuộc tuyên truyền/14.324 lượt người tham dự. Tổ chức kiểm tra, thanh tra 06 cuộc/06 đơn vị, phát hiện 06 vụ/06 đơn vị/40 người vi phạm về tiêu chuẩn, định mức, chế độ với số tiền vi phạm phát hiện và xử lý khoảng 260 triệu đồng; thực hiện chuyển đổi công tác 09/120 trường hợp nhằm phòng ngừa tham nhũng. Tổ chức triển khai xác minh tài sản, thu nhập năm 2023 đối với 39 trường hợp. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của địa phương: không có khởi tố vụ án; khởi tố 05 bị can; xét xử sơ thẩm 01 vụ, 02 bị cáo; xét xử phúc thẩm 01 vụ, 05 bị cáo; hiện đang tiếp tục theo dõi 03 vụ, 17 người có dấu hiệu tham nhũng đang được xử lý, chưa có kết quả xét xử sơ thẩm; xử lý kỷ luật 02 lãnh đạo, miễn trách nhiệm 02 lãnh đạo; xử lý hành chính về hành vi tham nhũng 01 vụ, 01 người.

Chủ động nắm tình hình, tiếp công dân thường xuyên, định kỳ theo quy định; công tác giải quyết đơn khiếu nại tố cáo được thực hiện theo đúng trình tự quy định, kịp thời đối thoại, giải quyết vụ việc tại cơ sở, không để phát sinh các vụ việc khiếu nại đông người, phát sinh điểm nóng. Toàn tỉnh đã tiếp 821 lượt/747 người/634 vụ việc; phân loại, xử lý kịp thời 103 đơn khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện xử lý. Tổng số đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền thụ lý là 45 đơn/45 vụ việc¹², đã giải quyết 19 đơn¹³, đạt 42% trên tổng số thụ lý, số còn lại đang xác minh, xem xét giải quyết.

Hoàn thành việc xây dựng phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo đúng quy định. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập. Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024; tổ chức thi tuyển công chức tỉnh năm 2024.

Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024¹⁴; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Tây Ninh¹⁵. Phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh¹⁶, Đề án thí điểm chuyển đổi số và xây dựng thành phố Tây Ninh trở thành đô thị

¹¹ Kế hoạch số 4302/KH-UBND ngày 29/12/2023;

¹² Gồm: 40 đơn khiếu nại, 05 đơn tố cáo;

¹³ Gồm: 17 đơn khiếu nại, 02 đơn tố cáo;

¹⁴ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 19/01/2024;

¹⁵ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 04/3/2024; theo đó có 1.622 dịch vụ công trực tuyến (gồm 673 dịch vụ công trực tuyến một phần và 949 dịch vụ công trực tuyến toàn trình); có 1375 dịch vụ công trực tuyến được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

¹⁶ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 29/12/2023;

thông minh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030¹⁷ và Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024.

Triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục hạn chế yếu kém trong công tác cải cách hành chính, môi trường đầu tư và nâng cao các chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS, ICT INDEX (DTI) năm 2023 và các năm tiếp theo, đề ra 46 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, giao rõ trách nhiệm, thời gian hoàn thành đối với 08 nội dung CCHC cho từng sở, ban, ngành tỉnh; tập trung phân tích, khắc phục những hạn chế và cải thiện chỉ số PAPI trong thời gian tới.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về việc giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tây Ninh¹⁸.

Triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành và tích hợp lên IOC tỉnh và Cổng cung cấp dữ liệu mở¹⁹, đã tích hợp được 18 bộ tiêu chí ngành, dự kiến hoàn thành tích hợp vào quý III/2024. Việc hoàn chỉnh Trung tâm IOC hoạt động hiệu quả, ổn định, đáp ứng nhu cầu về tích hợp dữ liệu, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành của lãnh đạo tỉnh và chia sẻ dữ liệu với người dân.

2.9. Về công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng địa phương, hoàn thành công tác tuyển quân năm 2024 đạt chỉ tiêu ở 03 cấp. Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Triển khai xây dựng điểm dân cư liên kết chốt dân quân biên giới giai đoạn 3 theo đúng kế hoạch. Tổ chức tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Campuchia về nước. Các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng đã phối hợp chặt chẽ, theo dõi nắm chắc tình hình, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự trên tuyến biên giới.

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, giải quyết tốt công tác bảo hộ công dân và người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Tây Ninh. Tổ chức hội nghị tổng kết và ký kết Thỏa thuận hợp tác với 04 tỉnh Svay Rieng, Prey Veng, Tboung Khmum và Kampong Cham thuộc Vương quốc Campuchia (giai đoạn 2024-2029); đón tiếp đoàn đại biểu thành phố Gimhae, Hàn Quốc; tổ chức lễ ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác giữa trường Đại học Inje, Hàn Quốc và trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh. Chuẩn bị các điều kiện mở cửa khẩu phụ Hòa Hiệp. Triển khai thực hiện các chương trình hợp tác đã ký kết, phối hợp bảo đảm an ninh trật tự trên khu vực biên giới, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

3. Những khó khăn, hạn chế

¹⁷ Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 11/5/2024;

¹⁸ Nghị quyết số 79/2024/NQ-HĐND ngày 28/5/2024;

¹⁹ Cổng cung cấp dữ liệu mở tại đại chỉ truy cập <http://opendata.tayninh.gov.vn>;

Mặc dù tốc độ tăng trưởng ước đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên có 04 chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế không đạt kế hoạch (*GRDP bình quân đầu người; Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP; Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn; Chỉ số sản xuất công nghiệp*).

Hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn, tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới giảm so cùng kỳ. Thu hút đầu tư nước ngoài chưa đạt được như kỳ vọng, có xu hướng giảm.

Nguồn lực đầu tư của tỉnh còn hạn chế. Công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án trọng điểm còn chậm dẫn đến việc giao bổ sung kế hoạch vốn và giải ngân sẽ dồn vào cuối năm.

Văn hoá xã hội còn có mặt hạn chế, một số thiết chế văn hoá cơ sở còn bất cập, hoạt động kém hiệu quả. Tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế trong hệ thống y tế công lập chưa được khắc phục triệt để. Tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề chưa được cải thiện.

Cải cách hành chính, chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp.

Kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ một số nơi, trong một bộ phận cán bộ công chức chưa nghiêm. Tinh thần thái độ phục vụ của một bộ phận cán bộ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính chưa tốt, chưa chuẩn mực, gây bức xúc cho người dân. Một số nơi vẫn còn xảy ra tình trạng nhũng nhiễu tiêu cực.

Một số loại tội phạm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng tăng; tai nạn giao thông đường bộ tăng 2 tiêu chí về số vụ và số người bị thương.

4. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

4.1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới, khu vực còn diễn biến phức tạp, nhất là tác động từ các vụ xung đột vũ trang trên thế giới ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu.

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến nhiều mặt của đời sống xã hội, cần có thời gian để phục hồi.

Quy mô kinh tế nhỏ. Hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm 96,5%.

Thị trường xuất khẩu, thị trường bất động sản còn nhiều khó khăn.

Một số quy định của pháp luật liên quan đến các lĩnh vực như quy hoạch, đất đai, đầu tư còn chưa phù hợp, rõ ràng, ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật, nhất là trong việc thu hút đầu tư.

Thủ tục đấu thầu thuốc còn bất cập, nhiều mặt hàng thuốc cơ sở y tế đề xuất đấu thầu chưa thực hiện được do hết hạn giá kế hoạch tại thời điểm phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Nhiều cơ sở y tế không mua sắm được thuốc trúng thầu do vướng nợ quá hạn, dẫn đến nhà thầu không bán hàng. Một số mặt hàng nhà thầu không cung cấp được do đứt gãy chuỗi cung ứng.

4.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số ngành chưa thật sự quyết liệt, trách nhiệm cao trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.
- Nguồn nhân lực một số lĩnh vực còn thiếu, yếu, chưa đáp ứng yêu cầu.
- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, công tác chuẩn bị đầu tư một số nơi chưa tốt, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công.
- Công tác cải cách hành chính chưa đồng đều, chưa toàn diện, chuyển đổi số còn chậm, một số địa phương chưa quyết liệt triển khai, kỷ luật kỷ cương chưa nghiêm, tình trạng sợ rủi ro, sợ trách nhiệm chưa được khắc phục triệt để dẫn đến ách tắc, đùn đẩy, trì trệ công việc, ảnh hưởng môi trường đầu tư.

5. Bài học kinh nghiệm

Sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời công tác lãnh đạo.

Đề ra những nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, nhất là xác định rõ các khâu đột phá, các nhiệm vụ trọng tâm để tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Huy động và sử dụng ngày càng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Quan tâm thu hút nhà đầu tư chiến lược để hiện thực hoá các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong việc khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương đã được nhận diện.

Chú trọng công tác kiểm tra, đôn đốc tháo gỡ khó khăn cho các thành phần kinh tế để tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2025

I. BỐI CẢNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2025

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025, đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV trong bối cảnh tình hình thế giới, trong nước dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường, cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro đan xen tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH.

Trong nước, tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; các quy định pháp luật mới chuẩn bị có hiệu lực; chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trong tỉnh, các ngành, các cấp quyết liệt, nỗ lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH đề ra từ đầu giai đoạn, nhất là trong

việc xác định và tập trung vào các giải pháp mang tính đột phá, nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Tiếp tục kế thừa, phát huy thành quả đạt được, tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc, nỗ lực phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các nhiệm vụ và mục tiêu Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tập trung ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, phấn đấu đạt mức tăng trưởng 7,5%. Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của nhân dân. Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực, chủ động triển khai hiệu quả các hoạt động đối ngoại.

III. MỤC TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ tiêu kinh tế

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (*GRDP - theo giá so sánh 2010*) tăng 7,5% trở lên.
- GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 4.500 USD.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha đất trồng trọt đạt 115 triệu đồng/ha.
- Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP (*giá hiện hành - chưa tính thuế sản phẩm*): Nông - lâm - thủy sản: 18-19%; Công nghiệp - Xây dựng: 46-47%; Dịch vụ: 31-32%.
- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt 37%.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 12.440 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn bằng 36% GRDP.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15%.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng 10%.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng 8%.

2. Chỉ tiêu về xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 0,03-0,046%.
- Tỷ lệ thất nghiệp: Khu vực thành thị: dưới 1%; Khu vực nông thôn: 1,35%.
- Số lao động có việc làm tăng thêm 16.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề đạt 75%.
- Đạt 10 bác sĩ/vạn dân và 30 giường bệnh/vạn dân.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (*thể thấp còi*) còn dưới 17,9%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%.

3. Chỉ tiêu về môi trường

- Duy trì tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó số hộ sử dụng nước sạch tăng 2% so với năm 2024.
- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng (*đã loại trừ cây cao su*) đạt 16,4%.
- Duy trì tỷ lệ 100% chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025; các chương trình đột phá để phát triển kinh tế xã hội. Triển khai kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện hiệu quả các chính sách, giải pháp đã ban hành để hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy các động lực mới cho tăng trưởng.

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh.

Từng bước nâng cao chất lượng nông sản đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Thực hiện sắp xếp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả, phát triển vùng sản xuất phù hợp, đảm bảo lợi thế cạnh tranh về điều kiện thổ nhưỡng cho từng loại cây trồng. Tiếp tục định hướng phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao, sử dụng các biện pháp an toàn sinh học trong trong chăn nuôi và xử lý chất thải nhằm tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo môi trường, phát triển chăn nuôi ổn định, bền vững. Phấn đấu cuối năm 2025, có thêm 03 xã đạt chuẩn NTM; có thêm từ 20 – 30 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 03 sản phẩm tiềm năng 5 sao.

Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước nhằm thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế đã được xây dựng hạ tầng. Thu hút những ngành, lĩnh vực mới nổi gắn kết chặt chẽ với thị trường trong nước và các doanh nghiệp trong nước, tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Tạo điều kiện tối đa cho nhà đầu tư tiếp cận đất đai, thông tin về môi trường đầu tư. Đẩy mạnh rà soát các dự án chưa triển khai tìm hiểu nguyên nhân, hỗ trợ tháo gỡ kịp thời để nhà đầu tư triển khai dự án. Hỗ

trợ, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, công trình phát triển, truyền tải, phân phối điện, bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất kinh doanh.

Chú trọng nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ du lịch hiện có và phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch mới; tăng cường xây dựng quảng bá hình ảnh, thương hiệu du lịch Tây Ninh; tập trung ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá, xúc tiến du lịch, hỗ trợ hình thành hệ sinh thái du lịch văn minh, lịch sự, chuyên nghiệp của địa phương. Hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án tại Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen.

Theo dõi chặt chẽ thị trường, giá cả hàng hóa để có chính sách, giải pháp kịp thời bảo đảm cân đối cung - cầu, điều hành, bình ổn giá phù hợp. Đẩy nhanh chuyển đổi số, thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong tăng trưởng kinh tế. Phát triển thương mại điện tử, gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình thương mại truyền thống. Ưu tiên đầu tư hạ tầng cửa khẩu, đồng thời xem xét giảm mức thu phí hạ tầng tại các cửa khẩu cho doanh nghiệp tạo lợi thế cạnh tranh cùng các địa phương trong Vùng.

3. Tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả. Rà soát toàn bộ nguồn thu, xác định chính xác những nguồn thu còn tiềm năng, nguồn thu chưa khai thác hết, còn dư địa để tổ chức các biện pháp khai thác tăng thu, bù đắp các khoản hụt thu. Rà soát, đánh giá tác động của các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế năm 2024 đến nhiệm vụ thu ngân sách năm 2025 và cả giai đoạn. Tập trung mọi nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển KT-XH của tỉnh, có tính chất kết nối và lan tỏa Vùng. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án trọng điểm để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả. Giải ngân vốn đầu tư công gắn với bảo đảm chất lượng công trình, dự án, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí. Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm trách nhiệm của các chủ đầu tư, nhà thầu không thực hiện đúng quy định pháp luật.

4. Thực hiện hiệu quả các giải pháp khắc phục hạn chế yếu kém trong công tác cải cách hành chính, môi trường đầu tư và nâng cao các chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS VÀ ICT INDEX (DTI), đẩy nhanh chuyển đổi số. Cải cách thủ tục hành chính thực chất, hiệu quả hơn nữa; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng ngừa và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Nâng cao tính tiên phong của lãnh đạo, vai trò trách nhiệm của người đứng đầu từng ngành trong xử lý vướng mắc, khó khăn cũng như trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

5. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Tổ chức triển khai các đề tài, dự án gắn với các định hướng phát triển của tỉnh, tập trung các lĩnh vực đột phá, phát triển công nghệ 4.0, chuyển đổi số. Hướng dẫn, hỗ trợ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm

nông nghiệp, sản phẩm OCOP của địa phương. Triển khai Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia chính sách hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025²⁰.

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ về số lượng và đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp, phối hợp thực hiện công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS và THPT. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ việc làm, các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm. Kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

6. Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của nhân dân.

Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống. Tiếp tục thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả các thiết chế văn hóa cơ sở. Đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính sách, tạo đồng thuận xã hội. Xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm chào mừng các ngày lễ lớn trong năm 2025.

Tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, chính sách an sinh xã hội, đẩy mạnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ người dân, người lao động mất việc làm và doanh nghiệp gặp khó khăn.

Tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng y tế; phát triển đội ngũ y tế theo chính sách, thu hút quy định tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh. Bảo đảm cung ứng thuốc, vật tư y tế phục vụ khám, chữa bệnh cho người dân. Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp tăng số lượng người tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

7. Tăng cường công tác quản lý đất đai và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai. Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến đất đai trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp Luật Đất đai. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản nhất là khai thác cát trong hồ Dầu Tiếng. Rà soát xử lý các tổ chức chưa thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản. Kiểm soát môi trường các khu vực thượng nguồn hồ Dầu Tiếng, sông Vàm Cỏ Đông và rạch Tây Ninh. Khảo sát, giám sát môi trường khu vực giáp biên giới Vương quốc Campuchia. Tiếp tục

²⁰ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh;

triển khai phương án quản lý rừng bền vững; nâng cao giá trị của rừng và góp phần phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng hiện có. Nâng cao năng lực ứng phó, phòng tránh thiên tai tại cộng đồng, giảm thiệt hại về người, tài sản, sản xuất do thiên tai gây ra.

8. Củng cố quốc phòng - an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới. Tiếp tục triển khai xây dựng tầng dày các điểm dân cư liên kế chốt dân quân biên giới. Các lực lượng phối hợp theo dõi nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn xuất, nhập cảnh trái phép, mua bán vận chuyển ma túy, buôn lậu. Chú trọng các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; tiếp tục kéo giảm mạnh tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình ổn định, hợp tác và phát triển.

PHẦN III

DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2021 – 2025

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, theo đó, HĐND tỉnh đề ra 19 chỉ tiêu chủ yếu. Dự kiến có 14/19 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, cụ thể:

TT	CHỈ TIÊU	Đvt	NQ 2021 – 2025	ƯTH 2021 - 2025	Số KH	
					Đạt	Không đạt
I	Chỉ tiêu kinh tế				5	4
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP - theo giá so sánh 2010) tăng bình quân	%	7,5% trở lên	6,2		X
2	GRDP bình quân đầu người đến năm 2025	USD	4.500	4.500	X	
3	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2025					X
	- Nông - lâm - thủy sản	%	14 - 15	19,0		
	- Công nghiệp - xây dựng	%	51 - 52	46,3		
	- Dịch vụ	%	32 - 33	30,3		
4	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	%	36% trở lên	36,3	X	
5	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân	%	15,5% trở lên	11,5		X

TT	CHỈ TIÊU	Đvt	NQ 2021 – 2025	ƯTH 2021 - 2025	Số KH	
					Đạt	Không đạt
6	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng bình quân	%	10% trở lên	10,2	X	
7	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân (phần đầu đến năm 2025 tự cân đối chi thường xuyên)	%	10% trở lên	4,2		X
8	Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân	%	trên 8%	10,5	X	
9	Phần đầu tỷ lệ đô thị hóa	%	50% trở lên		X	
II	Chỉ tiêu về xã hội				6	1
10	Số lao động có việc làm tăng thêm	lao động	trên 16.000	17.766	X	
	Đến năm 2025:					
11	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề	%	75	75	X	
12	Tỷ lệ thất nghiệp:				X	
	- Khu vực thành thị	%	1,65	dưới 1%		
	- Khu vực nông thôn	%	1,35	1,35		
13	Tỷ lệ hộ nghèo	%	dưới 1%	0,07 - 0,1	X	
14	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân				X	
	- Số bác sĩ	bác sĩ	10	10		
	- Số giường bệnh viện	giường	30	30		
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi)	%	Dưới 19%	17,9	X	
16	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	100		X
	Trong đó:					
	- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	36 xã	25 xã		
	- Xã nông thôn mới kiểu mẫu	xã	12 xã	4 xã		
	- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	huyện	Ít nhất 50% huyện trở lên	4 đơn vị cấp huyện		
III	Chỉ tiêu môi trường				3	
17	Đến năm 2025:				X	

TT	CHỈ TIÊU	Đvt	NQ 2021 – 2025	ƯTH 2021 - 2025	So KH	
					Đạt	Không đạt
	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	100	100		
	Trong đó:					
	- Số hộ sử dụng nước sạch tăng so với đầu kỳ	%	10	10		
18	Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su)	%	16,4% trở lên	16,4% trở lên	X	
19	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100	100	X	

PHẦN IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Tỉnh Tây Ninh kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình cấp thẩm quyền cho phép tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW như sau:

1. Vốn trong nước

Điều chỉnh giảm mức vốn trung hạn đã phân bổ cho dự án Xây dựng cửa khẩu chính Phước Tân từ 170 tỷ đồng còn 50 tỷ đồng và điều chuyển số vốn chưa sử dụng là 120 tỷ đồng sang dự án Hệ thống tưới tiêu phía tây sông Vàm Cỏ Đông (giai đoạn 2), làm cơ sở giao kế hoạch vốn năm 2025 cho dự án.

2. Vốn nước ngoài

- Điều chỉnh giảm số vốn không sử dụng hết của các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng là 123,118 tỷ đồng, bao gồm: dự án Phát triển các đô thị hành lang sông Mekong mở rộng tại Mộc Bài – Tây Ninh giảm 88,124 tỷ đồng và dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Dự án VILG) giảm 34,994 tỷ đồng.

- Bổ sung tăng kế hoạch vốn trung hạn cho dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh 25,877 tỷ đồng, đảm bảo nguồn lực cho dự án hoàn thành theo tiến độ được duyệt.

Đối với kế hoạch trung hạn – nguồn ODA còn lại sau khi điều chỉnh giảm/tăng là 97,241 tỷ đồng (123,118 tỷ đồng - 25,877 tỷ đồng), UBND tỉnh Tây Ninh tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất cấp thẩm quyền phân bổ cho các dự án khác có nhu cầu sau khi Hiệp định được ký kết, cụ thể:

+ Dự án Nước sạch nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh²¹, vay vốn WB, với tổng mức đầu tư 26,79 triệu USD (tương đương 650 tỷ đồng), trong đó: Vốn vay 22,07 triệu USD (tương đương 535,537 tỷ đồng) và vốn đối ứng của tỉnh 4,72 triệu USD (tương đương 114,463 tỷ đồng).

+ Dự án Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu²², vay vốn ADB, với tổng mức đầu tư 995,899 tỷ đồng, trong đó: Vốn vay 812,067 tỷ đồng và vốn đối ứng của tỉnh 183,832 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo đánh giá ước thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 của tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở KHĐT; CTK tỉnh;
- LĐ VP; PTH;
- Lưu: VT VP.UBND tỉnh.

4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Thanh

²¹ UBND tỉnh Tây Ninh đã có Công văn số 1812/UBND-KT ngày 19/6/2024 về việc giải trình ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 4224/BTC-QLN và hoàn chỉnh đề xuất dự án Nước sạch nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh.

²² UBND tỉnh Tây Ninh đã có Tờ trình số 2825/TTr-UBND ngày 28/5/2022 về việc đề xuất dự án Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC

THEO ĐỀ CƯƠNG TẠI CÔNG VĂN SỐ 4487/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Kế hoạch số 2303 /KH-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021 - 2025		
				Mục tiêu	6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016 - 2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Tốc độ tăng GRDP	%	6.8	7% trở lên	7.9	7.0		7,5% trở lên			7,5% trở lên	6.2	
2	Quy mô GRDP theo giá hiện hành	Nghìn tỷ đồng	111	119.4	57.1	122.6	110.4	135.6	113.5	110.6		561.6	248.2
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người	92.9	99.4		102	109.8	112.2	112.9	109.9	117	112.2	151.6
4	Cơ cấu kinh tế												
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	19.7	18-19	17.0	19.5		18-19			14 - 15	19.0	
-	Công nghiệp, xây dựng	%	45.3	45-46	47.0	45.6		46-47			51 - 52	46.3	
-	Dịch vụ	%	30.3	31-32	31.5	30.4		30-31			32 - 33	30.3	
-	Thuế, trợ cấp sản phẩm	%	4.6		4.6	4.5							
5	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Nghìn tỷ đồng	40.8	44.2	19.6	43.9	107.8	49.2	111.4	112.0	202.4	204.0	144.3
6	Thu ngân sách địa phương												
-	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	11,503	11,100	6,375	11,480	99.8	12,440	112.1	108.4	65,143	58,057	139.7
+	Trong đó thu nội địa	Tỷ đồng	9,841	9,900	5,516	9,900	100.6	10,800	109.1	109.1	58,778	50,015	137.5
	Trong đó:												

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021 - 2025		
				Mục tiêu	6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016 - 2020
	Thu từ tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	845	1,050	376	750	88.8	1,050	100	140.0	3,180	4,309	206.0
	Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	2,143	1,900	1,174	2,050	95.7	2,050	107.9	100.0	8,900	9,380	116.8
-	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng	không có										
	<i>Trong đó:</i>												
+	Thu ngân sách địa phương hưởng 100%	Tỷ đồng	không có										
+	Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản theo phân chia	Tỷ đồng	không có										
7	Chi ngân sách địa phương												
-	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	9,305	10,299	4,385	10,680	114.8	11,017	107.0	103.2	63,566	50,414	124.5
	<i>Trong đó:</i>												
+	Chi đầu tư	Tỷ đồng	3,445	3,530	1,647	3,780	109.7	3,725	105.5	98.5	23,522	18,129	121.6
+	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tình giãn biên chế)	Tỷ đồng	5,851	6,545	2,734	6,676	114.1	6,932	105.9	103.8	38,141	31,672	124.5
8	Bội thu/Bội chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	31.92	11.10	10.76	11.10	34.8	27.38	246.7	246.7	2,154	97.5	271.1
9	Thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)		20										
10	Thứ hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)		60										
11	Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo	Nghìn doanh nghiệp	6.7	6.8	6.7	6.8	101.6	6.9	101.3	101.3	6.9	6.9	167.9

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021 - 2025		
				Mục tiêu	6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016 - 2020
12	Về đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực lũy kể đến cuối kỳ báo cáo												
-	Số dự án	Dự án	366		371	396	108.2	426		107.6		426	128.7
-	Vốn đăng ký	Triệu USD	9,708		9,869	10,512	108.8	11,408		108.1		11,408	148.9
13	Dân số	Nghìn người	1,195	1,201		1,201	100.5	1,209	100.6	100.6	1,209	1,209	102.6
14	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Nghìn người	679	691		691	101.7	704	101.9	101.9	704	704	102.4
15	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số	%	56.03	56.7		56.7		58			58		tăng 0,6%
16	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	73.5	74	73.8	73.8		75			75	75	Tăng 5%
17	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	65	68	65	68		71			71	71	Tăng 26 xã
18	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	91.5	95.8	91.5	95.8		100			100	100	
19	Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	%	33.3	44.4	33.3	44.4		44.4			50	44.4	Tăng 44,4%
20	Hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều												
-	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0.16	0.11-0.13		0.11-0.13		0.07-0.10			<1	0.16	
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Điểm %	0.16	0.03-0,046		0.03-0,046		0.03-0,046			0,1-0,15	0,55-0,58	